

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi do GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư phục vụ dự án Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 06/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi do GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 992/TTr-STNMT ngày 24/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi do GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường GPMB (2%) là: 112.918.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu, chín trăm mười tám ngàn đồng*), trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 110.704.000 đồng;
 - Chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%): 2.214.000 đồng;
- (Chi tiết có Phụ lục kèm theo).*

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ DÂN CÓ ĐẤT THU HỒI DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 (MỚI), PHƯỜNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Chủ sử dụng đất | Địa chỉ | Số liệu đo đạc | | | Tổng DT thửa đất (m ²) | Loại đất | DT thu hồi được BT (m ²) | Quyết định 3824/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | | Công văn 455/UBND-ĐCXĐ ngày 25/10/2022 | | Số nhân khẩu bổ sung | Bổ sung giá trị Hỗ trợ ổn định đời sống | Giá trị BT vật kiến trúc | Tổng giá trị BT, HT bổ sung |
|----------------------------|------------------------------------|------------------------|----------------|------------------|------------------------|------------------------------------|----------|--------------------------------------|---|---------------------------|--|---------------------------|----------------------|---|--------------------------|-----------------------------|
| | | | Số thửa | Mảnh chỉnh lý số | Tờ bản đồ địa chính số | | | | Số nhân Khẩu đã được hỗ trợ | Tỷ lệ % đất NN bị thu hồi | Tổng số nhân khẩu TTSXNN trong hộ | Tỷ lệ % đất NN bị thu hồi | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Bảy | Khu vực 7, P.Nhơn Phú | 25 | TD1 | 48 | 1.136,6 | LUC | 1.136,6 | 6 | 100% | 9 | | 3 | 13.392.000 | | 13.392.000 |
| 2 | Đỗ Văn Trọng, vợ Lê Thị Lịa | Khu vực 7, P.Nhơn Phú | 18 | TD1 | 42 | 817,7 | LUC | 817,7 | 6 | 31,3% | 11 | | 5 | 11.160.000 | 1.944.000 | 13.104.000 |
| 3 | Hồ Văn Dạ | Khu vực 8, P.Nhơn Phú | 71 | TD1 | 48 | 1.985,9 | LUC | 1.985,9 | 6 | 100% | 16 | | 10 | 44.640.000 | | 44.640.000 |
| 4 | Tổng Ngọc Bửu (c), vợ Võ Thị Hương | Khu vực 7, P.Nhơn Phú | 15 | TD1 | 41 | 1.287,2 | LUC | 1.287,2 | | 48,2% | | 100% | 6 | 13.392.000 | | 13.392.000 |
| 5 | Lê Văn Hiền, vợ Trần Thị Chín | Khu vực 8, P. Nhơn Phú | 43 | TD1 | 49 | 205,2 | BHK | 205,2 | | 7,5% | | 12,3% | 15 | 16.740.000 | | 16.740.000 |
| 6 | Lê Tịa | Khu vực 8, P.Nhơn Phú | 49 | TD1 | 48 | 1.458,0 | LUC | 1.458,0 | | | | | | | 2.896.000 | 2.896.000 |
| 7 | Nguyễn Văn Lân, vợ Nguyễn Thị Cẩm | Khu vực 8, P.Nhơn Phú | 75 | TD1 | 48 | 343,0 | LUC | 130,8 | | | | | | | 4.657.610 | 4.657.610 |
| 8 | Phạm Đoan | Khu vực 8, P.Nhơn Phú | 56 | TD1 | 48 | 1.872,8 | LUC | 1.872,8 | | | | | | | 1.882.000 | 1.882.000 |
| Tổng Giá trị BT, HT | | | | | | | | | | | | | 39 | 99.324.000 | 11.379.610 | 110.704.000 |
| Chi phí GPMB (2%) | | | | | | | | | | | | | | | | 2.214.000 |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | 112.918.000 |